

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
HANDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1824 /TCT-P1

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

V/v: Công bố thông tin của doanh nghiệp
năm 2024 theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

Căn cứ Văn bản số 3012/STC-TCDN ngày 25/5/2021 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ;

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Hà Nội và Sở Tài chính thành phố Hà Nội công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp đợt 31/7/2024 theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về các nội dung theo quy định như sau:

- Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024.
- Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty mẹ.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 của Tổng công ty.

(Có tài liệu kèm theo văn bản).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư HN
- Phòng Tài chính DN- Sở TC
- Chủ tịch HĐQT TCT
- Phó TGĐ Mai Xuân Vinh;
- KSV TCT;
- P4, P6, VP, TL;
- Lưu: VT, P1.

(Đề b/cáo);



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Tiến Đức

Biểu số 5: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
HANDICO
MST: 0100977705

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 2 tháng 7 năm 2024

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY:

BẢNG SỐ 1A: CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
1	61/NQ-HĐTV	04/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Gia hạn hợp đồng với các đơn vị thực hiện công tác quản lý vận hành, bảo vệ tại tòa nhà Handico Tower, khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
2	76/NQ-HĐTV	10/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Thành lập tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của hạng mục: Đầu tư hệ thống đèn LED chiếu sáng ngoài nhà (khu vực khối đế và khối mái) tòa CT1 và CT2 tại ô đất A10 khu đô thị Nam Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội
3	104/NQ-HĐTV	16/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Thành lập Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4 Khu đô thị mới Kim Chung, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, HN
4	112/NQ-HĐTV	17/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt phương án, dự toán chi phí thực hiện công tác quản lý vận hành tại tòa nhà Handico Tower giai đoạn năm 2024 - 2027
5	114/NQ-HĐTV	17/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu TV6: Tư vấn thẩm tra quyết toán của hạng mục đầu tư nâng cấp hệ thống đèn LED chiếu sáng ngoài nhà công trình Handico Tower tại đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
6	120/NQ-HĐTV	18/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 phố Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
7	164/NQ-HĐTV	24/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Kế hoạch mua sắm thay thế bảng biển tại tòa nhà Handico Tower
8	165/NQ-HĐTV	24/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu TV1: “Tur vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng” và gói thầu TV2: “Tur vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng” của hạng mục: Đầu tư hệ thống đèn LED chiếu sáng ngoài nhà (khu vực khối đế và khối mái) Tòa CT1 và CT2 tại ô đất A10 Khu đô thị Nam Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội.
9	171/NQ-HĐTV	24/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Điều chỉnh phí dịch vụ cố định với Công ty TNHH Gia Linh Nguyễn tại tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, HN
10	180/NQ-HĐTV	25/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp và lắp đặt Máy cắt ACB-4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố Trạm biến áp của Tòa nhà Handico Tower
11	194/NQ-HĐTV	29/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Thông qua số liệu về tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện dự án làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án ĐTXD Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 phố Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
12	197/NQ-HĐTV	29/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Điều chỉnh điều khoản thanh toán Hợp đồng giữa Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội với Xí nghiệp xây dựng số 8 Hà Nội (XN8) thuộc Tổng công ty về việc thực hiện gói thầu XL1* thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4 Khu đô thị mới Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
13	198/NQ-HĐTV	29/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Điều chỉnh điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng giữa Tổng công ty với các nhà thầu thi công các gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị và chống môi công trình 30T1 - 30T2 trên ô đất A14 dự án xây dựng khu tái định cư Nam Trung Yên phần xây dựng nhà ở và HTXH thiết yếu - GD I
14	202/NQ-HĐTV	29/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 19 thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
15	203/NQ-HĐTV	29/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội cấp hạn mức bảo lãnh người mua nhà và ủy quyền cho Tổng giám đốc TCT được ký kết các hạn mức bảo lãnh, hợp đồng thế chấp
16	219/NQ-HĐTV	30/01/2024	Chủ tịch HĐTV	Đề xuất mua Máy cắt ACB-4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố Trạm biến áp của Tòa nhà Handico Tower và chấp thuận phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu GD chuẩn bị đầu tư
17	220/NQ-HĐTV	30/1/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận chủ trương điều chỉnh Giá hợp đồng gói thầu XL1: Thi công sửa chữa, thay thế các hạng mục công trình thuộc Dự án: Sửa chữa, chỉnh trang và thay thế một số hạng mục tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
18	229/NQ-HĐTV	01/02/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 20 thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
19	230/NQ-HĐTV	01/02/2024	Chủ tịch HĐTV	Thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với Gói thầu TV31 "Tur vản kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành" và Gói thầu TV32 "Tur vản thẩm tra quyết toán" thuộc Dự án ĐTXD khu nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị mới Kim Chung
20	261/NQ-HĐTV	05/02/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 21 thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
21	325/NQ-HĐTV	20/02/2024	Chủ tịch HĐTV	Xem xét, thông qua Đề án cơ cấu lại sắp xếp và đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà HN giai đoạn 2023-2025
22	405/NQ-HĐTV	29/2/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận chủ trương đầu tư và giao Xí nghiệp Xây dựng số 8 Hà Nội thực hiện sửa chữa đợt xuất một số hạng mục tại các tầng 1;2;3;4;5;6;7 thuộc tòa nhà Trụ sở Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội tại số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
23	411/NQ-HĐTV	01/03/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 22 thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10-NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, HN
24	479/NQ-HĐTV	05/03/2024	Chủ tịch HĐTV	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2) dự án Khu nhà ở tại điểm X2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
25	481/NQ-HĐTV	06/03/2024	Chủ tịch HĐTV	Thành lập tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu hạng mục "Thuê bổ sung xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội"

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
26	484/NQ-HĐTV	08/03/2024	Chủ tịch HĐTV	Điều chỉnh dự toán và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu phục vụ công tác quản lý vận hành tại tòa nhà Handico Tower giai đoạn năm 2024-2027 (36 tháng)
27	564/NQ-HĐTV	14/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Cho phép chấm dứt hợp đồng bảo hiểm công trình xây dựng số TV29/2020/HĐ-BHCTXD ký ngày 03/02/2020 giữa TCT Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội và Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội và Chấp thuận lựa chọn nhà thầu khác (theo hình thức chỉ định thầu rút gọn) thực hiện phần công việc chưa thực hiện của gói thầu TV29: Bảo hiểm thi công CT Nhà văn phòng làm việc và căn hộ cho thuê thuộc dự án số 5 Thành Công, quận Ba Đình, HN
28	572/NQ-HĐTV	15/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và giao Xí nghiệp xây dựng số 8 Hà Nội thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện gói thầu XL1: Thi công cọc thí nghiệm thuộc dự án: Khu nhà ở tại điểm X2 Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
29	577/NQ-HĐTV	15/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh (về Tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện) Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 phố Thành Công, Quận Ba Đình, HN
30	582/NQ-HĐTV	18/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận chủ trương báo cáo các cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại điểm X2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
31	590/NQ-HĐTV	18/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hạng mục: đầu tư nâng cấp hệ thống đèn LED chiếu sáng ngoài nhà công trình Handico Tower tại đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
32	596/NQ-HĐTV	19/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu (gói thầu TB1, TB2, TV14) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 3 (giai đoạn 2) của dự án: Khu hỗn hợp Văn phòng cho thuê - Nhà ở tại ô đất 3.10-NO, đường Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
33	599/NQ-HĐTV	20/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận chủ trương, phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho thuê bổ sung xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà HN
34	608/NQ-HĐTV	20/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục công trình: "Sửa chữa, thay thế, chỉnh trang hội trường tầng 6 và mái sảnh kính sau nhà tại Tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, HN
35	637/NQ-HĐTV	25/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Xem xét, thông qua Đề án cơ cấu lại sắp xếp và đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội giai đoạn 2023-2025
36	666/NQ-HĐTV	27/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 23 thanh toán KLHT đợt 2 gói thầu XL3 thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10-NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Thành phố HN
37	668/NQ-HĐTV	28/3/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận chủ trương và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư hạng mục công trình: "Sửa chữa, thay thế, chỉnh trang Hội trường tầng 6 và mái sảnh kính sau nhà tại Tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, HN

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
38	924/NQ-HĐTV	17/4/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu TV1: Kiểm toán độc lập; gói thầu TV2: Thẩm tra quyết toán của hạng mục nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng bảo vệ điểm đất số 174 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội và điểm đất số 82 đường Phúc Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, HN
39	928/NQ-HĐTV	17/4/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu TV4: Kiểm toán độc lập; gói thầu TV5: Thẩm tra quyết toán của hạng mục đầu tư nâng cấp hệ thống đèn LED chiếu sáng khu vực ngoại cảnh tòa nhà Trụ sở Tổng công ty - Handico Tower tại đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
40	996/NQ-HĐTV	26/4/2024	Chủ tịch HĐTV	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 3) dự án Khu nhà ở tại điểm X2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
41	1009/NQ-HĐTV	02/05/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận sử dụng chi phí dự phòng khi phê duyệt dự toán điều chỉnh Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy và Thông gió của công trình NO1 thuộc Dự án khu hỗn hợp văn phòng cho thuê - nhà ở tại ô đất 3.10-NO đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
42	1224/NQ-HĐTV	24/5/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 24 thanh toán KLHT đợt 3 gói thầu XL3 thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Thành phố HN
43	1244/NQ-HĐTV	28/5/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hạng mục: Sửa chữa, thay thế và chỉnh trang Phòng truyền thống tại tầng 6 tòa nhà Trụ sở Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội tại số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
44	1280/NQ-HĐTV	31/5/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu TV31: “Tur vãn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành” và gói thầu TV32: “Tur vãn thẩm tra quyết toán” thuộc Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4 Khu đô thị mới Kim Chung, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
45	1401/NQ-HĐTV	18/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Về việc góp vốn đợt 25 thanh toán KLHT đợt 2 gói thầu TV10 và TV7 để thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
46	1430/NQ-HĐTV	21/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 26 thanh toán KLHT đợt 1 gói thầu TV4 để thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
47	1432/NQ-HĐTV	21/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận chủ trương đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh chức năng tòa nhà CT3; không điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án trong hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại điểm X2 phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
48	1456/NQ-HĐTV	24/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cung cấp và lắp đặt máy cắt ACB-4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố trạm biến áp của tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, HN
49	1470/NQ-HĐTV	25/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 27 thanh toán KLHT đợt 2 gói thầu TV2 để thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
50	1477/NQ-HĐTV	26/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Chấp thuận điều chỉnh cơ cấu chi phí trong Tổng mức đầu tư khi phê duyệt dự toán xây dựng điều chỉnh triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình Nhà văn phòng làm việc và căn hộ cho thuê thuộc dự án ĐTXD Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
51	1500/NQ-HĐTV	27/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Góp vốn đợt 28 tạm ứng gói thầu TV13 để thực hiện Dự án Khu hỗn hợp văn phòng cho thuê, nhà ở tại ô đất 3.10 - NO Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
52	1501/NQ-HĐTV	28/6/2024	Chủ tịch HĐTV	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 phố Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

BẢNG SỐ 1B: CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
1	82/QĐ-HĐTV	10/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thành lập tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu của hạng mục: ĐT hệ thống đèn Led chiếu sáng ngoài nhà (khu vực khối đế và khối mái) tòa CT1 và CT2 tại ô đất A10 khu đô thị NAN Trung Yên - Cầu Giấy - HN
2	118/QĐ-HĐTV	18/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt, bổ sung KH lựa chọn nhà thầu gói thầu TV6: TV thẩm tra quyết toán của hạng mục đầu tư nâng cấp hệ thống Đèn Led chiếu sáng ngoài nhà công trình Handico Tower tại đường Phạm Hùng, Nam từ Liêm, HN
3	129/QĐ-HĐTV	19/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v Thành lập Tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu thuộc DA ĐT XD khu nhà ở XH tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị mới Kim Chung, xã Kim Chung - Đông Anh - HN
4	147/QĐ-HĐTV	22/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt phương án, dự toán chi phí thực hiện công tác quản lý, vận hành tại tòa nhà Handico Tower giai đoạn 2024-2027
5	167/QĐ-HĐTV	24/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu gói thầu TV1: TV lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng và gói thầu TV2: TV thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của hạng mục: ĐT hệ thống đèn Led chiếu sáng ngoài nhà (khu vực khối đế và khối mái) Tòa nhà CT1, CT2 A10 Nam Trung Yên - Cầu Giấy - HN
6	180/NQ-HĐTV	25/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thành lập Tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp đặt máy cắt ACB-4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố Trạm biến áp của tòa nhà Handico Tower
7	182/QĐ-HĐTV	25/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thành lập Tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp đặt ,máy cắt ACB-4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố Trạm biến áp của tòa Handico Tower

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
8	195/QĐ-HĐTV	29/01/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thông qua số liệu về tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện DA làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền thẩm định Báo cáo NCKT điều chỉnh DA ĐT XD tổ hợp VP làm việc số 5 Thành Công - BĐ-HN
9	240/QĐ-TCT	02/02/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu các gói thầu TV1, TV lập BC KTKT ĐT XD và TV2: TV thẩm tra báo cáo KTKT ĐT XD thuộc hạng mục công trình: cung cấp và lắp đặt máy cắt ACB-4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố Trạm biến áp của tòa nhà Handico Tower
10	254/QĐ-HĐTV	02/02/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thành lập Tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu DA ĐT XD tổ hợp VP số 5 Thành Công - Ba Đình - HN
11	480/QĐ-HĐTV	05/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu (đợt 2) của DA khu nhà ở tại điểm X2 Phường Trần Phú - Hoàng Mai - HN
12	535/QĐ-HĐTV	08/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thành lập Tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời thầu và KQ lựa chọn nhà thầu của hạng mục "thuê bổ sung xe ô tô phục vụ SXKD của TCT
13	541/QĐ-HĐTV, HĐQT	11/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương ĐT và phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu đối với Gói thầu TV31 "TV kiểm toán quyết toán DA hoàn thành" và gói thầu TV32 " TV thẩm tra quyết toán thuộc DA ĐT XD khu nhà ở XH tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị mới Kim Chung
14	589/QĐ-HĐTV	18/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v điều chỉnh dự toán và phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu phục vụ công tác quản lý vận hành tại Tòa nhà Handico Tower giai đoạn 2024-2027 (36 tháng)
15	592/QĐ-HĐTV	18/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt BC NCKT điều chỉnh về tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện) DA ĐT XD Tổ hợp VP làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 Thành Công- Ba Đình-HN

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
16	610/QĐ-HĐTV	21/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v thành lập Tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu hạng mục công trình: Sửa chữa, thay thế và chỉnh trang Hội trường tầng 6 và mái sảnh kính sau nhà tại Tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, MTH-NTL-HN
17	621/QĐ-HĐTV	22/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v chấp thuận chủ trương báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh DA ĐT XD khu nhà ở tại điển X2 Trần Phú - Hoàng Mai - HN
18	625/QĐ-HĐTV	22/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hạng mục: ĐT nâng cấp hệ thống đèn Led chiếu sáng ngoài nhà công trình Handico Tower tại đường Phạm Hùng - NTL-HN
19	640/QĐ-HĐTV	25/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuê bổ sung xe ô tô phục vụ SXKD và gói thầu: TV; lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu thuê bổ sung xe ô tô phục vụ SXKD của hạng mục thuê bổ sung xe ô tô phục vụ SXKD tại TCT
20	664/QĐ-HĐTV, CT14	27/03/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu 1 số gói thầu (gói thầu TB1, TB2, TV14) thuộc KH lựa chọn nhà thầu đợt 3 (giai đoạn 2) của DA: khu hỗn hợp VP cho thuê - nhà ở tại ô đất 3.10-NO, đường Lê Văn Lương, TX-HN
21	754/QĐ-HĐTV	01/04/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư hạng mục công trình: sửa chữa, thay thế, chỉnh trang Hội trường tầng 6 và mái sảnh kính sau nhà tại Tòa Handico Tower, Mễ Trì Hạ-Nam Từ Liêm-HN
22	938/QĐ-HĐTV	22/04/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung KH lựa chọn nhà thầu gói thầu TV4: kiểm toán độc lập; gói thầu TV5: thẩm tra quyết toán của hạng mục ĐT nâng cấp hệ thống đèn Led chiếu sáng khu vực ngoại cảnh tòa nhà Trụ sở TCT Handico Tower

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
23	939/QĐ- HĐTV	22/04/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt bổ sung KH lựa chọn nhà thầu gói thầu TV1: kiểm toán độc lập: gói thầu TV2: thẩm tra quyết toán của hạng mục nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng BV điểm ddaats số 174 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, HN và điểm đất số 82 đường Phúc Diễn, Phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm - HN
24	1017/QĐ- TCT	02/05/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu (đợt 3) DA khu nhà ở để bán tại X2 Trần Phú - Hoàng Mai- HN
25	1075/QĐ- HĐTV	14/05/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v kiện toàn tổ thẩm định KH lựa chọn nhà thầu của DA khu nhà ở để bán tại điểm X2 Trần Phú - Hoàng Mai - HN
26	1290/QĐ- HĐTV	04/06/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hạng mục: Sửa chữa, thay thế và chỉnh trang Phòng truyền thống tại tầng 6 tòa nhà Trụ sở TCT tại 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, HK-HN
27	1306/QĐ- HĐTV, HĐ QT	06/06/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu gói thầu TV31: TV kiểm toán quyết toán DA hoàn thành" và gói thầu TV32" TV thẩm tra quyết toán" thuộc DA ĐT XD khu nhà ở XH CT3, CT4 Kim Chung - Đông Anh
28	1472/QĐ- HĐTV	25/06/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt BC KTKT ĐT XD công trình: cung cấp và lắp đặt Máy cắt ABC -4000A thay thế cho tủ hạ thế bị sự cố Trạm biến áp của Tòa nhà Handico Twer, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì Hạ, Nam Từ Liêm- HN
29	1484/QĐ- HĐTV	26/06/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt KH bảo trì công trình Tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm - HN (từ tháng 6/2024 đến tháng 5/2025)
30	1502/QĐ- HĐTV	28/06/2024	Chủ tịch HĐTV	V/v phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung KH lựa chọn nhà thầu DA ĐT XD tổ hợp VP làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 Thành Công - Ba Đình - Hà Nội

II. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN: Không có.

III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC: Không có.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 78/1999/QĐ-UB ngày 21/09/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tổng Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố làm Chủ sở hữu; có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của Pháp luật, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt.

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp đối với phần vốn, tài sản, lao động, đất đai, hồ sơ, tài liệu và các vấn đề khác có liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển thành Công ty TNHH một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 34 Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Hải Long	Chủ tịch	
Ông Phạm Tiến Đức	Thành viên	
Ông Phan Thanh Chung	Thành viên	
Ông Ngô Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Tử Quang	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 04/03/2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Tiến Đức	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Phạm Tiến Đức (Tổng Giám đốc).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội

Địa chỉ: Số 34 - Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Tiến Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024



Số: 250724.020/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội được lập ngày 25 tháng 07 năm 2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.637.880.516.437	2.793.004.683.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.571.901.659.516	1.581.605.416.651
111	1. Tiền		261.900.659.516	71.604.416.651
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.310.001.000.000	1.510.001.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		803.260.328.910	968.607.931.854
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	791.914.610.817	873.764.222.547
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	56.431.699.868	120.120.344.941
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	120.051.614.514	139.950.534.655
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(165.137.596.289)	(165.227.170.289)
140	III. Hàng tồn kho	8	154.536.173.879	137.172.943.732
141	1. Hàng tồn kho		154.536.173.879	137.172.943.732
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		108.182.354.132	105.618.391.204
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.234.950.178	27.124.230
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		68.834.917.818	67.684.467.632
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	38.112.486.136	37.906.799.342

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.768.225.022.532	2.751.235.709.677
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.150.000.000	1.150.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.150.000.000	1.150.000.000
220	II. Tài sản cố định		20.947.256.750	22.194.128.011
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	20.947.256.750	22.194.128.011
222	- Nguyên giá		66.834.920.064	65.939.119.198
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.887.663.314)	(43.744.991.187)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		232.000.000	232.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(232.000.000)	(232.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	527.912.004.867	544.238.983.791
231	- Nguyên giá		822.461.198.729	818.155.426.592
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(294.549.193.862)	(273.916.442.801)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	13	1.710.359.464.919	1.675.780.979.030
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.710.359.464.919	1.675.780.979.030
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	507.846.555.688	507.846.555.687
251	1. Đầu tư vào công ty con		381.428.820.000	381.428.820.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		126.114.025.590	126.114.025.590
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		124.937.887.454	124.937.887.454
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(124.634.177.356)	(124.634.177.357)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.740.308	25.063.158
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	9.740.308	25.063.158
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>5.406.105.538.969</u>	<u>5.544.240.393.118</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.216.759.096.855	3.219.283.542.005
310	I. Nợ ngắn hạn		1.815.027.570.523	1.821.489.132.456
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	331.239.119.923	561.480.711.288
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	86.723.910.983	80.506.727.684
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	17.284.918.907	13.045.220.925
314	4. Phải trả người lao động		44.150.370.204	45.980.270.835
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	597.635.670.122	518.634.763.718
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	2.714.942.160	1.615.840.445
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	516.982.050.010	421.469.943.669
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	183.537.018.542	162.955.536.056
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	3.414.123.094	2.946.961.900
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.345.446.578	12.853.155.936
330	II. Nợ dài hạn		1.401.731.526.332	1.397.794.409.549
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.271.449.436.911	1.271.262.320.128
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	10.843.956.555	7.093.956.555
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	119.438.132.866	119.438.132.866
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.189.346.442.114	2.324.956.851.113
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.189.346.442.114	2.324.956.851.113
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.740.092.942.795	1.735.370.744.902
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		424.450.517.947	364.687.376.167
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.947.223.092	217.042.971.764
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.100.133.279	2.091.839.520
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		14.847.089.813	214.951.132.244
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		7.855.758.280	7.855.758.280
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.406.105.538.969	5.544.240.393.118



Phạm Tiên Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024


Trần Thị Thu Liên
Kế toán trưởng


Trương Vĩnh Nam
Người lập biểu

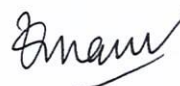
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	67.057.234.841	62.608.145.632
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.057.234.841	62.608.145.632
11	3. Giá vốn hàng bán	26	48.124.284.154	54.048.125.346
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.932.950.687	8.560.020.286
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	27	143.016.272.482	131.452.693.428
22	6. Chi phí tài chính	28	1.008.608.579	1.418.795.733
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.008.608.579	1.418.795.733
25	7. Chi phí bán hàng	29	697.047.602	1.319.559.943
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	147.119.654.166	43.596.131.499
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.123.912.822	93.678.226.539
31	10. Thu nhập khác	31	1.754.833.820	3.797.651.016
32	11. Chi phí khác	32	31.656.829	97.789.302
40	12. Lợi nhuận khác		1.723.176.991	3.699.861.714
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.847.089.813	97.378.088.253
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>14.847.089.813</u>	<u>97.378.088.253</u>



Phạm Tiến Đức
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024


Trần Thị Thu Liên
Kế toán trưởng


Trương Vĩnh Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.847.089.813	97.378.088.253
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.775.423.188	25.252.042.007
03	- Các khoản dự phòng		377.587.193	(2.083.659.306)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(143.016.272.482)	(131.458.524.335)
06	- Chi phí lãi vay		1.008.608.579	1.418.795.733
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(104.007.563.709)	(9.493.257.648)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		164.081.039.964	(68.917.282.408)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(17.363.230.147)	(12.470.469.101)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(174.006.056.804)	81.503.871.813
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.192.503.098)	(417.646.271)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(691.625.245)	(1.286.118.518)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(15.757.339)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.100.000	87.165.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.108.614.172)	(10.129.055.932)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(137.271.453.211)	(21.138.550.404)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(39.780.058.892)	(9.397.177.478)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	5.830.907
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		143.016.272.482	131.452.693.428
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		103.236.213.590	122.061.346.857
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		38.866.022.710	827.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.534.540.224)	(16.415.076.867)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		24.331.482.486	(15.588.076.867)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.703.757.135)	85.334.719.586
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.581.605.416.651	1.604.479.020.560
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.571.901.659.516	1.689.813.740.146



Phạm Tiên Đức
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024

(Signature)
 Trần Thị Thu Liên
 Kế toán trưởng

(Signature)
 Trương Vĩnh Nam
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 78/1999/QĐ-UB ngày 21/09/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tổng Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố làm Chủ sở hữu; có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của Pháp luật, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp đối với phần vốn, tài sản, lao động, đất đai, hồ sơ, tài liệu và các vấn đề khác có liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển thành Tổng Công ty TNHH một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 1.900.000.000.000 đồng (một nghìn chín trăm tỷ đồng). Vốn góp của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2024 là: 1.740.092.942.795 đồng (một nghìn bảy trăm bốn mươi tỷ không trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Tổng số cán bộ, nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 450 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 400 người).

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 34 Hai Bà Trưng - quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây cáp điện ngầm có điện áp đến 35KV, trạm biến áp 110KV và trạm biến áp có dung lượng đến 2500KVA;
- Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình: Dân dụng và công nghiệp;
- Định giá xây dựng;
- Xây dựng công trình công ích;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Quản lý vận hành nhà chung cư; Bảo trì nhà chung cư.

Cấu trúc doanh nghiệp Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Bất động sản, xây dựng
Xí nghiệp Xây lắp số 1 Hà Nội	Hà Nội	Xây lắp
Xí nghiệp Xây lắp số 2 Hà Nội	Hà Nội	Xây lắp
Xí nghiệp Xây lắp số 3 Hà Nội	Hà Nội	Xây lắp
Xí nghiệp Xây lắp số 6 Hà Nội	Hà Nội	Xây lắp
Xí nghiệp Xây lắp số 8 Hà Nội	Hà Nội	Xây lắp
Công ty Xây dựng dân dụng	Hà Nội	Xây lắp
Ban Quản lý dự án 3	Hà Nội	Quản lý dự án
Ban Quản lý dự án Đầu tư phát triển nhà và Đô thị số 2	Hà Nội	Quản lý dự án
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp và Đô thị Handico	Hà Nội	Quản lý dự án
Chi nhánh Tổng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Tổng Công ty đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh về việc tạm dừng hoạt động
Ban Quản lý dự án Mai Động	Hà Nội	Quản lý dự án
Trung tâm 2	Hà Nội	Đã tạm dừng hoạt động
Trung tâm 3	Hà Nội	Đã tạm dừng hoạt động
Ban Quản lý dự án Kim Chung - Liên danh giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Hà Nội	Quản lý dự án

Ngoài ra, Tổng Công ty có 01 đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập là Trường Trung cấp Kỹ thuật và nghiệp vụ Xây dựng Hà Nội.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh, Trung tâm 2, Trung tâm 3 được cộng gộp vào Báo cáo tài chính riêng theo số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm ngừng hoạt động.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Ước tính dự phòng phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm
- Tài sản vô hình khác	05 năm

2.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
--------------------------	-------------

2.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 18 tháng.
- Chi phí bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 12 tháng.
- Chi phí thuê xe ô tô ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 03 tháng/lần.

2.15 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và dự phòng bảo hành căn hộ hoặc nhà đã bán được trích lập tối đa 5% giá trị công trình hoặc giá trị căn hộ và nhà đã bán dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.20 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu cho thuê văn phòng, địa điểm tại các tòa nhà, diện tích đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được Hội đồng thành viên phê duyệt:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo các quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.22 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

2.23 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu.

2.24 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn. Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Tổng Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung

cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.257.714.741	1.943.750.174
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.642.944.775	69.660.666.477
Các khoản tương đương tiền (i)	1.310.001.000.000	1.510.001.000.000
	<u>1.571.901.659.516</u>	<u>1.581.605.416.651</u>

Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị 1.310.001.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Đông Đô, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,3%/năm.

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	18.664.324.323	(8.781.397.869)	39.739.970.622	(8.781.397.869)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội	-	-	21.406.721.724	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	3.579.737.648	-	3.579.737.648	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68	5.118.736.000	(5.118.736.000)	5.118.736.000	(5.118.736.000)
Công ty CP Tu tạo và Phát triển nhà Hà Nội	4.003.299.027	-	3.974.974.827	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Nội	3.662.661.869	(3.662.661.869)	3.662.661.869	(3.662.661.869)
Công ty CP Kinh doanh Phát triển nhà và đô thị Hà Nội	2.299.889.779	-	1.997.138.554	-
Bên khác	773.102.049.412	(87.959.230.359)	833.876.014.843	(88.113.102.359)
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội số 15	21.647.160.262	(21.647.160.262)	21.647.160.262	(21.647.160.262)
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng TP. Vinh	16.688.924.777	(16.688.924.777)	16.688.924.777	(16.688.924.777)
Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở	655.873.853.880	-	655.873.853.880	-
Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển Nhà Hà Nội (giai đoạn thực hiện hợp đồng số 41/2007/HĐ)(i)	8.120.748.688	-	8.120.748.688	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	70.771.361.805	(49.623.145.320)	131.545.327.236	(49.777.017.320)
	<u>791.914.610.817</u>	<u>(96.740.628.228)</u>	<u>873.764.222.547</u>	<u>(96.894.500.228)</u>

(i) Khoản công nợ phát sinh từ khoản tiền bồi thường cho Công ty CP Phát triển và Đầu tư Đại Sơn và án phí liên quan đến việc thi công Công trình Trường Huân nghệ Việt Mỹ theo Quyết định Giám đốc thẩm số 10/2016/KDTM_GĐT ngày 29/08/2016. Theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 120/NQ-HĐTV ngày 08/08/2019 thì khoản nợ này được tạm thời ghi nhận phải thu đối với Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển Nhà Hà Nội (CT46) giai đoạn triển khai Hợp đồng 41/2007/HĐ đến nay vẫn chưa thu hồi được. Thời gian tới, Tổng Công ty sẽ có kế hoạch cụ thể để sớm thu hồi khoản công nợ này.

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	26.509.120.564	-	65.440.643.800	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội	26.509.120.564	-	65.440.643.800	-
Bên khác	29.922.579.304	(1.092.310.110)	54.679.701.141	(1.092.310.110)
Công ty CP xây dựng và Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội số 15	2.013.638.345	-	2.013.638.345	-
Công ty CP đầu tư Cửa Việt	8.199.158.422	-	-	-
Các đối tượng khác	19.709.782.537	(1.092.310.110)	52.666.062.796	(1.092.310.110)
	56.431.699.868	(1.092.310.110)	120.120.344.941	(1.092.310.110)

6 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	34.875.000	-	34.875.000	-
Phải thu về tạm ứng	3.637.355.842	-	3.272.519.428	-
Ký cược, ký quỹ	385.046.692	-	385.046.692	-
Tiền bảo hiểm xã hội nộp thừa	228.399.532	-	121.200.038	-
Phải thu khác	115.765.937.448	(67.304.657.951)	136.136.893.497	(67.240.359.951)
- Lãi tiền gửi dự thu	4.523.561.644	-	27.406.493.151	-
- Phải thu của người lao động	1.892.003.450	-	1.660.626.907	-
- Phải thu Giám đốc Xí nghiệp về lỗi công trình	690.764.372	-	690.764.372	-
- Tổng Công ty Điện Lực Hà Nội - Tiền góp vốn dự án Thiết bị Cấp ngầm 11KV	5.901.825.638	(5.901.825.638)	5.901.825.638	(5.901.825.638)
- Phải thu khác	102.757.782.344	(61.402.832.313)	100.477.183.429	(61.338.534.313)
	120.051.614.514	(67.304.657.951)	139.950.534.655	(67.240.359.951)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.150.000.000	-	1.150.000.000	-
	1.150.000.000	-	1.150.000.000	-

7 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty điện lực Hà Nội	5.901.825.638	-	5.901.825.638	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thăng Long	313.273.600	-	313.273.600	-
Ban quản lý dự án Hạ tầng Tả Ngạn	9.315.107.298	-	9.315.107.298	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Phát triển Nhà Hà Nội số 15	21.647.160.262	-	21.647.160.262	-
Đối tượng khác	146.434.866.675	18.474.637.184	146.524.440.675	18.474.637.184
	183.612.233.473	18.474.637.184	183.701.807.473	18.474.637.184

8 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	399.901.228	-	369.831.228	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	153.727.137.878	-	136.393.977.731	-
Thành phẩm	250.545.752	-	250.545.752	-
Hàng hoá	158.589.021	-	158.589.021	-
	154.536.173.879	-	137.172.943.732	-

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nhà ở cao tầng dự án A10 Nam Trung Yên	46.926.226.449	46.926.226.449
- Trường THCS chất lượng cao Bắc Từ Liêm	11.106.157.934	10.477.920.037
- Công trình khác	95.694.753.495	78.989.831.245
	153.727.137.878	136.393.977.731

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.234.950.178	27.124.230
	1.234.950.178	27.124.230
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.740.308	25.063.158
	9.740.308	25.063.158

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	21.332.751.609	33.368.491.726	7.758.896.902	3.478.978.961	65.939.119.198					
- Mua trong kỳ	743.073.593	-	-	152.727.273	895.800.866					
Số dư cuối kỳ	22.075.825.202	33.368.491.726	7.758.896.902	3.631.706.234	66.834.920.064					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	15.609.232.205	17.700.882.239	7.758.896.902	2.675.979.841	43.744.991.187					
- Khấu hao trong kỳ	316.491.810	1.636.268.880	-	189.911.437	2.142.672.127					
Số dư cuối kỳ	15.925.724.015	19.337.151.119	7.758.896.902	2.865.891.278	45.887.663.314					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	5.723.519.404	15.667.609.487	-	802.999.120	22.194.128.011					
Tại ngày cuối kỳ	6.150.101.187	14.031.340.607	-	765.814.956	20.947.256.750					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 19.234.038.951 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 18.973.816.225 VND).

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	32.000.000	200.000.000	232.000.000
Số dư cuối kỳ	32.000.000	200.000.000	232.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	32.000.000	200.000.000	232.000.000
Số dư cuối kỳ	32.000.000	200.000.000	232.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 232.000.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 232.000.000 VND).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	633.670.993.006	184.484.433.586	818.155.426.592
- Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản	4.305.772.137	-	4.305.772.137
Số dư cuối kỳ	637.976.765.143	184.484.433.586	822.461.198.729
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	133.985.966.518	139.930.476.283	273.916.442.801
- Khấu hao trong kỳ	8.029.253.094	12.603.497.967	20.632.751.061
Số dư cuối kỳ	142.015.219.612	152.533.974.250	294.549.193.862
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	499.685.026.488	44.553.957.303	544.238.983.791
Tại ngày cuối kỳ	495.961.545.531	31.950.459.336	527.912.004.867

- Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 30/06/2024 là: 12.062.557.838 VND (tại ngày 01/01/2024 là 12.062.557.838 VND) ;
- Các khoản tiền thuê hoạt động thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 24a.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Khu Tái định cư Nam Trung Yên - Phần Xây dựng Nhà ở và Hạ tầng Kỹ thuật thiết yếu Giai đoạn 1	397.580.229.427	483.327.869.153
- Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán tại phường Mai Động	284.214.968	284.214.968
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.312.495.020.524	1.192.168.894.909
	<u>1.710.359.464.919</u>	<u>1.675.780.979.030</u>

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	381.428.820.000	(36.463.972.729)	381.428.820.000	(36.463.972.729)
- Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội	8.415.000.000	-	8.415.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Nhà Hà Nội	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68	70.200.000.000	(36.463.972.729)	70.200.000.000	(36.463.972.729)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp và Đô thị Handico	2.813.820.000	-	2.813.820.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh	33.003.015.400	(11.734.758.327)	33.003.015.400	(11.734.758.328)
- Công ty TNHH Phát triển Hồ Tây	10.281.229.400	(11.734.758.327)	10.281.229.400	(11.734.758.328)
- Công ty TNHH điện Stanley Việt Nam	22.721.786.000	-	22.721.786.000	-

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	93.111.010.190	(3.101.854.330)	93.111.010.190	(3.101.854.330)
- Công ty CP Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà	9.440.000.000	-	9.440.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	6.199.380.000	-	6.199.380.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30	15.724.450.000	-	15.724.450.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà số 17	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
- Công ty CP Tu tạo và Phát triển Nhà Hà Nội	11.936.000.000	-	11.936.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 22	15.273.670.190	-	15.273.670.190	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Nội	13.082.000.000	-	13.082.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh Phát triển Nhà và đô thị Hà Nội	15.062.250.000	-	15.062.250.000	-
- Công ty CP Xây dựng và Phát triển nhà Hà Nội số 46	3.993.260.000	(3.101.854.330)	3.993.260.000	(3.101.854.330)
- Công ty Phát triển Đô Thị (i)	-	-	-	-

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác	124.937.887.454	(73.333.591.970)	124.937.887.454	(73.333.591.970)
- Công ty CP Đầu tư XD và Phát triển Nhà số 7	5.106.700.000	-	5.106.700.000	-
- Công ty Thương mại và Đầu tư Xây dựng số 32	1.850.000.000	(412.351.653)	1.850.000.000	(412.351.653)
- Công ty CP Tư vấn HANDIC Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	2.200.000.000	-	2.200.000.000	-
- Công ty Chứng khoán Hòa Bình	11.364.545.454	-	11.364.545.454	-
- Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội	4.553.600.000	-	4.553.600.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 52	1.026.000.000	-	1.026.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà số 36	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội	14.985.432.000	-	14.985.432.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 9 HN	9.351.610.000	(2.921.240.317)	9.351.610.000	(2.921.240.317)
- Công ty Tài chính Cổ phần Handico	70.000.000.000	(70.000.000.000)	70.000.000.000	(70.000.000.000)
	<u>632.480.733.044</u>	<u>(124.634.177.356)</u>	<u>632.480.733.044</u>	<u>(124.634.177.357)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Công ty Phát triển đô thị (CDC) là liên doanh được thành lập giữa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội - bên Việt Nam và Công ty Antara Koh Development (V) Pte., Ltd bên Singapore theo Giấy phép đầu tư số 1059/GP ngày 29/11/1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Giấy phép điều chỉnh số 1059/GPĐC ngày 29/8/1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện Dự án Song Hong City, kể từ ngày được thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện duy nhất dự án được cấp, không thực hiện bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Dự án Song Hong City với mục tiêu xây dựng khu nhà ở, văn phòng thương mại, khách sạn và các công trình tiện ích công cộng để cho thuê, thời hạn 45 năm (1994-2039) tại khu vực hồ

Nghĩa Dũng, thuộc địa bàn phường Phúc Xá, quận Ba Đình và phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Tổng vốn đầu tư ban đầu của Dự án là 240.000.000 USD (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu đô la mỹ), vốn pháp định của Công ty liên doanh là 72.000.000 USD (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đô la Mỹ), trong đó: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội góp 21.600.000 USD (chiếm 30%) bằng giá trị quyền sử dụng 60.000m² đất trong 45 năm và Công ty Antara Koh Development (V) Pte., Ltd góp 50.400.000 USD (chiếm 70%) bằng máy móc, thiết bị, vật tư và tiền. Tại Giấy phép điều chỉnh số 1059/GPĐC ngày 29/8/1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, điều chỉnh diện tích đất sử dụng của Công ty Phát triển đô thị xuống còn 51.300m², theo đó vốn pháp định của Công ty giảm xuống còn 61.560.000 USD, trong đó: bên Việt Nam góp 18.468.000 USD (chiếm 30%) bằng giá trị sử dụng 51.300m² đất tại Nghĩa Dũng, quận Ba Đình, Hà Nội trong 45 năm và bên nước ngoài góp 43.092.000 USD (chiếm 70%) bằng máy móc, thiết bị, vật tư và tiền.

Tại Điều III, mục 5, Quyết định số 97/2005/QĐ-UB ngày 07/7/2005 của UBND Thành phố về việc hợp nhất Công ty Xuất nhập khẩu và đầu tư xây dựng Hà Nội với Văn phòng Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội để thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (Handico), Dự án Song Hong City được chuyển từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 5 (trước đây là Công ty Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội) về Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (Handico) để tiếp tục thực hiện đảm bảo chuyển giao toàn bộ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ. Do vậy, Công ty Phát triển đô thị (CDC) hiện nay gồm 2 cổ đông là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (Handico) chiếm 30% vốn điều lệ và Công ty Antara Koh Development (V) Pte., Ltd chiếm 70% vốn điều lệ.

Tính đến ngày 31/12/2020 thì phía bên Công ty AKDV đã góp vào Công ty Phát triển đô thị (CDC) số tiền là 3.262.985 USD (theo Báo cáo tài chính đã của CDC đã kiểm toán năm 2020) tương đương 5% số vốn cam kết góp. Việc phía Công ty AKDV mới góp được 5% là do Dự án chưa được triển khai xây dựng, pháp lý về quy hoạch còn nhiều vướng mắc, chưa được bàn giao mặt bằng sạch nên Dự án chưa đưa vào xây dựng được. Do vậy, Công ty AKDV không đủ căn cứ để chuyển đầy đủ phần vốn góp (theo Giấy phép đầu tư phía Công ty AKDV góp bằng máy móc, thiết bị, vật tư và tiền nước ngoài). Liên doanh chỉ thực hiện các chi phí quản lý để duy trì bộ máy.

Tính từ khi được cấp Giấy phép đầu tư số 1059/GP ngày 29/11/1994 đến nay đã 26 năm (trên một nửa thời gian hoạt động của dự án là 45 năm) nhưng Dự án vẫn chưa triển khai.

Về mặt nghĩa vụ tài chính về đất đai: Trong thời gian dự án thuộc Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 5 chưa thực hiện thủ tục nhận nợ và hoàn trả tiền thuê đất theo quy định. Khi Dự án chuyển về Tổng Công ty cũng chưa thực hiện việc ghi nợ tiền thuê đất và chưa thực hiện việc ghi vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất góp vốn liên doanh. Hiện nay, Tổng công ty đang báo cáo UBND thành phố Hà Nội phê duyệt "Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo" trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tại Dự án Song Hong city vào Công ty CP Phát triển đô thị. Sau khi UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, Tổng công ty sẽ điều chỉnh theo quy định.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển đô thị Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh, Xây dựng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Nhà Hà Nội	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh, Xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68	Hà Nội	65,00%	65,00%	Kinh doanh, Xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp và Đô thị Handico	Hà Nội	75,00%	75,00%	Kinh doanh, Xây dựng

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Phát triển Hồ Tây	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh, dịch vụ
Công ty TNHH điện Stanley Việt Nam	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và kinh doanh điện máy

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu Tư Xây dựng và phát triển Đô thị Hồng Hà	Hà Nội	47,20%	47,20%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	Nghệ An	31,00%	31,00%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30	Hà Nội	22,00%	22,00%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà số 17	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Tu tạo và Phát triển nhà Hà Nội	Hà Nội	29,11%	29,11%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 22	Hà Nội	39,12%	39,12%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Nội	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh, xây dựng
Công ty CP Kinh doanh Phát triển nhà và Đô thị Hà Nội	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh, Xây dựng
Công ty CP Xây dựng và Phát triển nhà Hà Nội số 46	Hà Nội	32,60%	32,60%	Kinh doanh, Xây dựng

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	1.796.168.337	1.796.168.337	1.796.168.337	1.796.168.337
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà số 30	1.796.168.337	1.796.168.337	1.796.168.337	1.796.168.337
<i>Bên khác</i>	329.442.951.586	329.442.951.586	559.684.542.951	559.684.542.951
Công ty CP Xây dựng và Tư vấn ứng dụng Công nghệ mới	6.190.988.328	6.190.988.328	6.650.337.547	6.650.337.547
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	6.336.814.745	6.336.814.745	5.758.787.745	5.758.787.745
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội	11.090.387.020	11.090.387.020	11.090.387.020	11.090.387.020
Công ty CP LICOGI 12.1	6.134.459.445	6.134.459.445	7.671.296.464	7.671.296.464
Các đối tượng khác	299.690.302.048	299.690.302.048	528.513.734.175	528.513.734.175
	<u>331.239.119.923</u>	<u>331.239.119.923</u>	<u>561.480.711.288</u>	<u>561.480.711.288</u>

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	54.861.960.878	54.861.971.163
Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị Handico - Vinh Tân	54.861.960.878	54.861.971.163
Bên khác	31.861.950.105	25.644.756.521
Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Mê Linh	8.257.554.000	12.286.434.000
Ban quản lý dự án Huyện Đông Anh	2.919.997.075	-
Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Thường Tín	11.500.000.000	-
Các khách hàng khác	9.184.399.030	13.358.322.521
	86.723.910.983	80.506.727.684

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp/khấu trừ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.131.110	2.756.516.009	308.427.668	568.967.956	8.131.110	2.495.975.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.603.100.030	-	-	-	37.603.100.030	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.933.366	1.486.852.840	5.423.860.565	7.321.034.883	500.254.996	83.000.152
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	287.634.736	-	13.408.812.089	7.080.958.496	-	6.040.218.857
Các loại thuế khác	1.000.100	8.801.748.430	7.000.000	143.127.799	1.000.000	8.665.620.531
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	103.646	127.025.238	127.025.238	-	103.646
Nộp Ngân sách Nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	-	-	128.009.821.897	128.009.821.897	-	-
	37.906.799.342	13.045.220.925	147.284.947.457	143.250.936.269	38.112.486.136	17.284.918.907

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình (*)	597.635.670.122	518.634.763.718
	<u>597.635.670.122</u>	<u>518.634.763.718</u>

(*) Chi tiết chi phí phải trả các công trình tại thời điểm 30/06/2024 như sau:

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Công trình Nhà chung cư 9 tầng Dự án Sài Đồng	1.126.500.508	1.126.500.508
- Nhà ở thấp tầng, cao tầng khu A10 Nam Trung Yên	251.241.493.510	251.241.493.510
- Công trình 3.10 Lê Văn Lương giai đoạn 1	110.981.893.109	110.981.893.109
- Nhà ở xã hội CT4 khu đô thị mới Kim Chung, huyện Đông Anh	70.892.253.048	70.892.253.048
- Các công trình khác	163.393.529.947	84.392.623.543
	<u>597.635.670.122</u>	<u>518.634.763.718</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tại các thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là khoản tiền cho thuê văn phòng chủ yếu tại Tòa nhà Handico Tower Mỹ Trì và Trụ sở 34 Hai Bà Trưng đã nhận trước của khách thuê.

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	917.677.595	600.729.227
Bảo hiểm xã hội	316.368.127	248.315.356
Bảo hiểm y tế	28.522.035	12.026.640
Bảo hiểm thất nghiệp	12.592.200	6.484.867
Phải trả về tạm ứng	-	70.831.406
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.000.000	56.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	515.650.890.053	420.475.556.173
- Chi phí lãi vay	952.692.112	635.708.778
- <i>Nhận vốn góp đầu tư, lãi tiền gửi phát sinh tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp và Đô thị HANDICO (i)</i>	22.549.033.554	22.549.033.554
- <i>Nguồn vốn các dự án dự kiến bàn giao về các Ban Quản lý dự án chuyên ngành của UBND Thành phố Hà Nội</i>	355.976.988.092	355.976.988.092
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	136.172.176.295	41.313.825.749
	<u>516.982.050.010</u>	<u>421.469.943.669</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.021.866.911	25.834.750.128
Tiền sử dụng đất khu A10 Nam Trung Yên	1.245.427.570.000	1.245.427.570.000
	<u>1.271.449.436.911</u>	<u>1.271.262.320.128</u>
c) Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị Handico - Vinh tân	6.000.000	6.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68	10.000.000	10.000.000
	<u>16.000.000</u>	<u>16.000.000</u>

(i) Đây là các khoản vốn góp đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp số 18, Công ty Tài chính Cổ phần Handico, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 36 tại Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp và Đô thị HANDICO, tổng số tiền là 22.008.198.454 VND và lãi tiền gửi phát sinh tại Ban Quản lý dự án này là 540.835.100 VND.

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội

Địa chỉ: Số 34 - Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

21 VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	147.955.536.056	147.955.536.056	38.716.022.710	14.534.540.224	172.137.018.542	172.137.018.542
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	15.000.000.000	15.000.000.000	-	3.600.000.000	11.400.000.000	11.400.000.000
	162.955.536.056	162.955.536.056	38.716.022.710	18.134.540.224	183.537.018.542	183.537.018.542
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	22.093.956.555	22.093.956.555	150.000.000	-	22.243.956.555	22.243.956.555
	22.093.956.555	22.093.956.555	150.000.000	-	22.243.956.555	22.243.956.555
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)			(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.093.956.555	7.093.956.555			10.843.956.555	10.843.956.555

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
Vay ngắn hạn			172.137.018.542	147.955.536.056
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	142.160.527.070	111.294.504.360
Vay các đối tượng khác tại các xí nghiệp trực thuộc	VND	Tin chấp	29.976.491.472	36.661.031.696
			172.137.018.542	147.955.536.056



(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2024	01/01/2024
Vay dài hạn				VND	VND
Vay các đối tượng khác tại các xí nghiệp trực thuộc	VND	Từ 0% đến 13,5%	Tín chấp	22.243.956.555	22.093.956.555
				22.243.956.555	22.093.956.555
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(11.400.000.000)	(15.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				10.843.956.555	7.093.956.555
22 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ					
a) Ngắn hạn				30/06/2024	01/01/2024
Dự phòng bảo hành hàng hóa bất động sản và công trình xây dựng				VND	VND
				3.414.123.094	2.946.961.900
				3.414.123.094	2.946.961.900
b) Dài hạn					
Dự phòng bảo hành hàng hóa bất động sản và công trình xây dựng				119.438.132.866	119.438.132.866
				119.438.132.866	119.438.132.866

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội

Địa chỉ: Số 34 - Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1.735.370.744.902	303.380.499.796	151.777.605.750	7.855.758.280	2.198.384.608.728
Lãi trong kỳ trước	-	-	97.378.088.253	-	97.378.088.253
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	61.330.240.589	(61.330.240.589)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(21.111.429.891)	-	(21.111.429.891)
Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	-	-	(659.179.966)	-	(659.179.966)
Chuyển phần lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại về Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết HĐQT Điều chỉnh khác	-	-	(64.215.284.851)	-	(64.215.284.851)
	-	-	19.274.597	-	19.274.597
Số dư cuối kỳ trước	1.735.370.744.902	364.710.740.385	101.858.833.303	7.855.758.280	2.209.796.076.870
Số dư đầu kỳ này	1.735.370.744.902	364.687.376.167	217.042.971.764	7.855.758.280	2.324.956.851.113
Tăng vốn trong kỳ	4.722.197.893	(4.722.197.893)	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	14.847.089.813	-	14.847.089.813
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	64.485.339.673	(64.485.339.673)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(21.901.601.100)	-	(21.901.601.100)
Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	-	-	(690.497.473)	-	(690.497.473)
Chuyển phần lợi nhuận sau thuế năm 2023 còn lại về Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên	-	-	(127.873.693.998)	-	(127.873.693.998)
Điều chỉnh khác	-	-	8.293.759	-	8.293.759
Số dư cuối kỳ này	1.740.092.942.795	424.450.517.947	16.947.223.092	7.855.758.280	2.189.346.442.114

Theo Nghị quyết số 647/NQ-HĐTV ngày 28/03/2024 của Hội đồng thành viên, Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		214.951.132.244
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30%	64.485.339.673
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	21.901.601.100
Trích quỹ tiền thưởng của người quản lý và kiểm soát viên	0,3%	690.497.473
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	59%	127.873.693.998

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024 VND	Tỷ lệ	01/01/2024 VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	1.740.092.942.795	100,00%	1.735.370.744.902	100,00%
	<u>1.740.092.942.795</u>	<u>100%</u>	<u>1.735.370.744.902</u>	<u>100%</u>

c) Các quỹ của công ty

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	424.450.517.947	303.380.499.796
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	7.855.758.280	7.855.758.280
	<u>432.306.276.227</u>	<u>311.236.258.076</u>

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

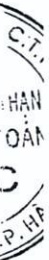
a) Tài sản cho thuê ngoài

Tổng Công ty cho thuê Văn phòng và mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	80.304.030.244	85.738.627.760
Từ 1 năm đến 5 năm	113.512.863.360	138.966.536.788
Trên 5 năm	59.552.063.804	97.777.474.807

b) Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc và xây dựng dự án chung cư và văn phòng cho thuê, với thời hạn thuê đất chi tiết theo từng hợp đồng. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.



b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
USD	1,86	1,86

25 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2023</u> VND
Doanh thu xây dựng, dịch vụ	66.211.171.485	61.232.309.267
Doanh thu khác	846.063.356	1.375.836.365
	<u>67.057.234.841</u>	<u>62.608.145.632</u>

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2023</u> VND
Giá vốn xây dựng, dịch vụ	47.881.680.937	52.783.373.619
Giá vốn khác	242.603.217	1.264.751.727
	<u>48.124.284.154</u>	<u>54.048.125.346</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2023</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.864.714.224	18.608.809.721
Cổ tức, lợi nhuận được chia	114.151.558.258	112.843.883.707
	<u>143.016.272.482</u>	<u>131.452.693.428</u>

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

111.569.278.258	112.843.883.707
-----------------	-----------------

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2023</u> VND
Lãi tiền vay	1.008.608.579	1.418.795.733
	<u>1.008.608.579</u>	<u>1.418.795.733</u>

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.047.602	1.319.559.943
	697.047.602	1.319.559.943

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	39.787.068.554	21.490.786.755
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	177.164.946	92.708.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.685.872.197	1.017.719.341
Thuế, phí và lệ phí	11.195.773.706	6.975.306.573
Hoàn nhập dự phòng	(89.574.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.574.204.439	10.862.114.092
Chi phí khác bằng tiền	82.789.144.324	3.157.496.120
	147.119.654.166	43.596.131.499

31 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	5.830.907
Tiền phạt khách hàng do chậm nộp tiền	-	18.468.314
Thu tiền trông giữ xe tại Tòa nhà Mẹ Trì	594.680.908	705.699.090
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	2.083.659.306
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	530.933.915
Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả	88.501.815	-
Thu nhập khác	1.071.651.097	453.059.484
	1.754.833.820	3.797.651.016

32 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi chậm nộp tiền thuế, bảo hiểm và các khoản bị phạt hành chính	30.205.238	57.052.128
Các khoản khác	1.451.591	40.737.174
	31.656.829	97.789.302

33 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN (đã bù trừ lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản)	14.847.089.813	97.378.088.253
Các khoản điều chỉnh tăng	30.205.238	57.052.128
- Các khoản tiền phạt	30.205.238	57.052.128
Các khoản điều chỉnh giảm	(114.151.558.258)	(112.843.883.707)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(114.151.558.258)	(112.843.883.707)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(99.274.263.207)	(15.408.743.326)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	(37.603.100.030)	(36.477.344.732)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của HĐKD bất động sản	-	(15.757.339)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	(37.603.100.030)	(36.493.102.071)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(37.603.100.030)	(36.493.102.071)

34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.226.980.434	10.755.655.894
Chi phí nhân công	71.096.066.514	25.874.914.817
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	276.863.851	92.708.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.775.423.188	25.252.042.007
Thuế, phí và lệ phí	14.596.622.967	10.312.000
Chi phí dự phòng	(89.574.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.155.265.238	39.487.580.839
Chi phí khác bằng tiền	9.236.497.877	10.122.490.693
	213.274.146.069	111.595.704.868

35 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

36 THÔNG TIN KHÁC

Mặc dù chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 30/06/2024, nhưng Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết các khoản công nợ phải thu, phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã phản ánh chính xác và đầy đủ tình hình công nợ của Tổng Công ty.

Giá trị các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ theo khả năng thanh toán tính tới thời điểm 30/06/2024 là 165,14 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng, các khoản công nợ quá hạn thanh toán là các khoản công nợ thực hiện công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước nên việc thu hồi chậm nhưng sẽ được thu hồi trong tương lai gần khi khách hàng sắp xếp được nguồn vốn.

37 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	-	66.211.171.485	846.063.356	67.057.234.841
Giá vốn hàng bán	-	47.881.680.937	242.603.217	48.124.284.154
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	18.329.490.548	603.460.139	18.932.950.687
Tổng chi phí mua tài sản cố định	4.305.772.137	-	152.727.273	4.458.499.410
Tài sản không phân bổ				5.401.647.039.559
Tổng tài sản	4.305.772.137	-	152.727.273	5.406.105.538.969
Nợ phải trả không phân bổ				3.216.759.096.855
Tổng nợ phải trả	-	-	-	3.216.759.096.855

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Nhà Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp và Đô thị Handico	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Hồ Tây	Công ty liên doanh
Công ty TNHH điện Stanley Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty CP Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà số 17	Công ty liên kết
Công ty CP Tu tạo và Phát triển Nhà Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 22	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Kinh doanh Phát triển Nhà và đô thị Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và Phát triển nhà Hà Nội số 46	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	111.569.278.258	112.843.883.707
Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam	105.000.000.000	112.843.883.707
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30	1.084.987.050	-
Công ty CP Tu tạo và Phát triển nhà Hà Nội	1.790.400.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội	1.230.122.500	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội	918.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 22	305.472.000	-
Công ty CP Kinh doanh Phát triển Nhà và đô thị Hà Nội	492.279.517	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	748.017.191	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc các thành viên quản lý khác	6.319.124.800	5.155.080.000

40 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



Trần Liên Đức

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024

Trần Thị Thu Liên

Kế toán trưởng

Trương Vĩnh Nam

Người lập biểu



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.....	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.....	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/6/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 78/1999/QĐ-UB ngày 21 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tổng Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố làm Chủ sở hữu; có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của Pháp luật, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt.

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp đối với phần vốn, tài sản, lao động, đất đai, hồ sơ, tài liệu và các vấn đề khác có liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển thành Công ty TNHH một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 34 Hai Bà Trưng - quận Hoàn Kiếm - thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Hải Long	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Đức	Thành viên
Ông Phan Thanh Chung	Thành viên
Ông Ngô Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Quang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Tiến Đức	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	30/06/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.452.670.951.518	3.647.739.345.075
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.599.857.134.283	1.736.175.934.911
111	1. Tiền	279.998.452.553	138.740.364.425
112	2. Các khoản tương đương tiền	1.320.102.651.161	1.597.435.570.486
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.697.264.331	100.573.260.450
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	74.697.264.331	100.573.260.450
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.052.472.144.469	1.120.494.571.711
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	878.825.850.983	994.520.144.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	95.216.708.655	31.428.049.558
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	660.247.046	660.247.046
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	267.973.244.406	279.080.875.631
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(190.203.906.621)	(185.194.744.621)
140	IV. Hàng tồn kho	614.763.158.470	580.837.911.154
141	1. Hàng tồn kho	614.763.158.470	580.837.911.154
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	110.881.249.965	109.657.666.849
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.924.918.674	599.362.162
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	68.868.280.243	67.717.830.057
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	40.088.051.048	41.340.474.630
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	5.146.373.595.846	5.136.077.024.528
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	250.848.872.687	7.098.329.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	250.848.872.687	7.098.329.000


220	II. Tài sản cố định	124.177.682.909	126.756.078.895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	52.487.670.482	55.066.066.468
222	- Nguyên giá	188.513.064.255	187.617.263.389
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(136.025.393.773)	(132.551.196.921)
227	2. Tài sản cố định vô hình	71.690.012.427	71.690.012.427
228	- Nguyên giá	74.785.837.518	74.785.837.518
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.095.825.091)	(3.095.825.091)
230	III. Bất động sản đầu tư	669.424.501.955	692.008.182.299
231	- Nguyên giá	1.153.542.277.733	1.149.236.505.596
232	- Giá trị hao mòn lũy kế	(484.117.775.778)	(457.228.323.297)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.699.112.631.506	1.858.940.655.589
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	181.264.608.819	179.310.940.141
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.517.848.022.687	1.679.629.715.448
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	2.400.542.370.696	2.448.707.635.768
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.343.895.850.215	2.382.112.175.760
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	130.274.227.454	140.273.887.454
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(73.627.706.973)	(73.678.427.446)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	2.267.536.093	2.566.142.977
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	1.939.681.202	2.238.288.086
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	327.854.891	327.854.891
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	8.599.044.547.364	8.783.816.369.603
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	4.153.235.382.680	3.998.587.692.219
310	I. Nợ ngắn hạn	2.481.119.075.867	2.408.975.139.048


311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	413.016.816.522	650.173.146.440
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	135.362.233.082	121.984.957.567
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	42.234.567.780	32.563.401.916
314	4. Phải trả người lao động	49.261.325.011	73.300.417.492
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	809.666.105.288	723.704.693.843
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	45.431.889.250	46.238.544.047
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	715.845.119.869	508.252.037.346
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	225.846.446.491	205.963.567.269
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.271.605.502	13.801.444.308
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	40.182.967.072	32.992.928.820
330	II. Nợ dài hạn	1.672.116.306.813	1.589.612.553.171
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	73.735.790.777	68.121.900.455
337	2. Phải trả dài hạn khác	1.449.307.616.510	1.377.976.762.591
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.843.956.555	7.093.956.555
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	125.336.873.678	125.336.873.678
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	12.892.069.293	11.083.059.892
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.445.809.164.684	4.785.228.677.384
410	I. Vốn chủ sở hữu	4.445.809.164.684	4.785.228.677.384
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.740.181.842.795	1.735.370.744.902
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.740.181.842.795	1.735.370.744.902
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	20.507.851.899	16.722.368.957
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.555.130.824	18.555.130.824
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	597.542.040.207	543.589.230.564
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.921.040.889	2.009.087.438
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.025.757.323.039	2.421.474.464.182

421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.851.612.182.925	2.030.748.169.519
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	174.145.140.114	390.726.294.663
422	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	9.713.999.656	9.713.999.656
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	31.629.935.375	37.793.650.861
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	8.599.044.547.364	8.783.816.369.603



Phạm Tiên Đức
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024


Trần Thị Thu Liên
Kế toán trưởng


Trương Vĩnh Nam
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 1/1/2024 đến ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: đồng

M S	CHỈ TIÊU	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
		VND	VND
1.	Doanh thu bán hàng và CCDV	208.162.957.177	197.826.333.789
2.	Các khoản giảm trừ	-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.162.957.177	197.826.333.789
4.	Giá vốn hàng bán	70.588.252.981	74.326.017.892
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	137.574.704.196	123.500.315.897
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	144.965.691.304	136.308.459.930
7.	Chi phí tài chính	1.285.200.057	1.418.795.733
8.	Trong đó: Chi phí lãi vay	1.418.795.733	1.418.795.733
9.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	111.336.057.976	67.017.640.798
10.	Chi phí bán hàng	11.284.493.101	11.361.616.877
11.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	197.176.754.447	90.008.644.235
12.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	184.130.005.871	224.037.359.779
13.	Thu nhập khác	1.761.343.885	3.857.046.040
14.	Chi phí khác	36.463.705	779.249.366
15.	Lợi nhuận khác	1.724.880.180	3.077.796.674
16.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.854.886.051	227.115.156.453
17.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.709.745.937	12.484.657.391
18.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	69.192.758
19.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	174.145.140.114	214.561.306.304



Phạm Tiên Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

Trần Thị Thu Liên
Kế toán trưởng

Trương Vĩnh Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 1/1/2024 đến ngày 30/6/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: đồng	
		6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	185.854.886.051	227.115.156.453
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(79.153.997.481)	(184.215.820.448)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	30.363.649.333	32.940.272.883
03	- Các khoản dự phòng	(4.104.201.585)	(11.298.302.379)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc NT		-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(106.749.365.759)	(204.276.586.685)
06	- Chi phí lãi vay	1.335.920.529	1.418.795.733
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	106.700.888.570	42.899.336.006
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(187.251.636.049)	(49.536.147.452)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(35.878.915.994)	(53.604.756.266)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	133.354.611.793	77.794.661.350
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.026.949.628)	(43.455.570)
14	- Tiền lãi vay đã trả	84.625.490.916	(2.894.201.064)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.046.888.381)	(407.684.271)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(15.971.342.563)	(20.582.028.629)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	79.505.258.664	(6.374.275.896)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐĐT		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(753.296.084.848)	137.500.567.111
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	17.694.544

	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	-	(516.488.877.061)
	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	221.263.698.703	372.996.749.335
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	6. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	144.965.691.304	126.680.274.880
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(387.066.694.841)	120.706.408.809
	III. LƯU CHUYỂN TỪ HĐTC		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	112.588.427.751	3.277.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(69.355.614.098)	(16.995.695.278)
35	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	128.009.821.897	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	171.242.635.550	(13.718.695.278)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(136.318.800.628)	100.613.437.634
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.736.175.934.911	1.668.279.821.421
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.559.857.134.283	1.768.893.259.055



Phạm Tiến Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

Trần Thị Thu Liên
Kế toán trưởng

Trương Vĩnh Nam
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 1/1/2024 đến ngày 30/6/2024

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 78/1999/QĐ-UB ngày 21 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tổng Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố làm Chủ sở hữu; có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của Pháp luật, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Tổng Công ty đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp đối với phần vốn, tài sản, lao động, đất đai, hồ sơ, tài liệu và các vấn đề khác có liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển thành Công ty TNHH một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm 30/6/2024 là 1.900.000.000.000 đồng (một nghìn chín trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 34 Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Xây lắp và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây cáp điện ngầm có điện áp đến 35KV, trạm biến áp 110KV và trạm biến áp có dung lượng đến 2500KVA;
- Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;

- Giám sát thi công xây dựng loại công trình: Dân dụng và công nghiệp;
- Định giá xây dựng;
- Xây dựng công trình công ích;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Quản lý vận hành nhà chung cư; bảo trì nhà chung cư.

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Tổng công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng. Báo cáo tài chính phục vụ quản trị do chưa nhận được đầy đủ số liệu báo cáo của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 32.

4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

8. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
--------------------------	-------------

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thực hiện các dự án bất động sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu cho thuê văn phòng, địa điểm tại các tòa nhà, diện tích đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản tại phục vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa các đơn vị phụ thuộc.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

17. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu.

19. Chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành của Báo cáo tài chính riêng.

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

Tiền và tương đương tiền	Cuối quý	Đầu năm
- Tiền mặt	3.332.000.018	5.466.778.655
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	276.422.483.104	133.273.585.770
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	1.320.102.651.161	1.597.435.570.486
Cộng	1.599.857.134.283	1.736.175.934.911

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn	74.697.264.331	-	100.573.260.450	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chỉ tiêu	30/6/2024	01/01/2024
----------	-----------	------------

	VND	VND
Bên liên quan	13.214.512.898	13.214.512.898
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	3.579.737.648	3.579.737.648
Công ty CP Tu tạo và Phát triển nhà Hà Nội	2.415.524.200	3.974.974.827
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Nội	3.662.661.869	3.662.661.869
Công ty CP Kinh doanh Phát triển nhà và đô thị Hà Nội	2.299.889.779	1.997.138.554
Bên khác	1.108.946.061.420	981.305.631.199
Công ty TNHH Phương Đông	16.934.430.600	16.934.430.600
Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn	9.315.107.298	9.315.107.298
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thành phố Vinh	16.688.924.777	16.688.924.777
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội số 15	21.647.160.262	21.647.160.262
Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở	655.873.853.880	655.873.853.880
Các khách hàng khác	509.002.061.375	251.217.157.680
Tổng cộng	1.242.676.051.090	994.520.144.097

4. Nợ chưa thu hồi

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Phong Cách	4.347.860.652	-	4.347.860.652	-
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại ATO	826.223.649	-	826.223.649	-
Công ty TNHH Phương Đông	16.934.430.600	-	16.934.430.600	-
Công ty TNHH Quảng Hồng	-	-	-	-
Công ty CP Xây dựng và đầu tư phát triển nhà Hà Nội số 15	21.647.160.262	-	21.647.160.262	-
Ban quản lý dự án hạ tầng Tả Ngạn	9.315.107.298	-	9.315.107.298	-
Tổng công ty điện lực Hà Nội	5.901.825.638	-	5.901.825.638	-
Các khoản nợ xấu khác	147.660.305.456	18.474.637.184	147.660.305.456	18.474.637.184
Cộng	206.632.913.555	18.474.637.184	206.632.913.555	18.474.637.184

5. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	399.901.228	-	369.831.228	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	613.954.122.469		580.058.945.153	
Công cụ, dụng cụ		-	-	-
Thành phẩm	250.545.752		250.545.752	
Hàng hóa bất động sản	158.589.021	-	158.589.021	-
Cộng	614.763.158.470	-	580.837.911.154	-

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	62.137.282.453	94.146.693.743	18.513.637.063	12.819.650.130	187.617.263.389
- Mua trong năm			0	895.800.866	895.800.866
- Thanh lý, nhượng bán			0		0
Số dư cuối năm	62.137.282.453	94.146.693.743	18.513.637.063	13.715.450.996	188.513.064.255
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.038.590.154	71.549.386.940	17.740.803.591	10.222.416.236	132.551.196.921
- Khấu hao trong năm	681.313.474	1.509.743.180	373.363.356	909.776.842	3.474.196.852
- Thanh lý, nhượng bán			0		0
Số dư cuối năm	33.719.903.628	73.059.130.120	18.114.166.947	11.132.193.078	136.025.393.773
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	29.098.692.299	22.597.306.803	772.833.472	2.597.233.894	55.066.066.468
Tại ngày cuối năm	28.417.378.825	21.087.563.623	399.470.116	2.583.257.918	52.487.670.482

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá				
Số dư đầu năm	71.150.095.138	1.664.597.830	1.971.144.550	74.785.837.518
Số dư cuối năm	71.150.095.138	1.664.597.830	1.971.144.550	74.785.837.518
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.231.227.261	1.664.597.830	200.000.000	3.095.825.091
Số dư cuối năm	1.231.227.261	1.664.597.830	200.000.000	3.095.825.091
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	69.918.867.877	0	1.771.144.550	71.690.012.427
Tại ngày cuối năm	69.918.867.877	0	1.771.144.550	71.690.012.427

8. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	964.752.072.010	184.484.433.586	1.149.236.505.596
- Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản	4.305.772.137	0	4.305.772.137
- Tăng do điều chỉnh từ hàng hóa bất động sản		0	0
Số dư cuối năm	969.057.844.147	184.484.433.586	1.153.542.277.733
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	317.297.847.014	139.930.476.283	457.228.323.297
- Khấu hao trong năm	23.168.596.291	3.720.856.190	26.889.452.481
Số dư cuối năm	340.466.443.305	143.651.332.473	484.117.775.778
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	647.454.224.996	44.553.957.303	692.008.182.299
Tại ngày cuối năm	628.591.400.842	40.833.101.113	669.424.501.955

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Tổng Công ty có 12 Công ty liên kết, liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2024, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Phát triển Hồ Tây	Hà Nội	30%	30%	Bất động sản
Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	Hà Nội	30%	30%	Thiết bị điện
Công ty CP Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Hồng Hà	Hà Nội	47,2%	47,2%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Handico - Vinh Tân	Nghệ An	31,0%	31,0%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30	Nghệ An	22,0%	22,0%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà số 17	Hà Nội	30,0%	30,0%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Tu tạo và Phát triển nhà Hà Nội	Hà Nội	29,1%	29,1%	Xây lắp, bất động sản

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 22	Hà Nội	39,1%	39,1%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Nội	Hà Nội	30,0%	30,0%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Hà Nội	Hà Nội	25,7%	25,7%	Xây lắp, bất động sản
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển nhà và đô thị Hà Nội	Hà Nội	30,0%	30,0%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Hà Nội	Hà Nội	32,6%	32,6%	Xây lắp, bất động sản

(ii) Kỳ kế toán của Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/04 đến ngày 31/03 hàng năm. Tỷ lệ góp vốn vào Công ty liên doanh được xác định theo tỷ lệ góp vốn bằng Đô la Mỹ tại thời điểm Tổng Công ty góp vốn (chiếm 30% tỷ lệ vốn góp).

10. Vay và nợ thuê tài chính

Chi tiêu	01/01/2024		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	173.883.667.269	173.883.667.269	225.846.446.491	225.846.446.491
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	32.079.900.000	32.079.900.000	-	-
Cộng	205.963.567.269	205.963.567.269	225.846.446.491	225.846.446.491
b) Vay dài hạn				
Vay dài hạn	39.173.856.555	39.173.856.555	10.843.956.555	10.843.956.555
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(32.079.900.000)	(32.079.900.000)	-	-
Cộng	7.093.956.555	7.093.956.555	10.843.956.555	10.843.956.555

11. Tình hình Vốn, các Quỹ

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiêu	30/6/2024 (VND)	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của NN	1.740.181.842.795	100%	1.735.370.744.902	100%
Cộng	1.740.181.842.795	100%	1.735.370.744.902	100%


b) Các quỹ Tổng công ty


Chi tiêu	30/6/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển	597.542.040.207	543.589.230.564
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.921.040.889	1.921.040.889



Phạm Tiến Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2023


Trần Thị Thu Liên
Kế toán trưởng


Trương Vĩnh Nam
Người lập biểu